

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ SƠN LA**

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH SƠN LA
THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

SƠN LA, THÁNG 11 NĂM 2021

Số: /BC-CTK

Sơn La, ngày 25 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2021

I. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Sản xuất nông lâm nghiệp trong tháng chủ yếu tập trung thu hoạch các cây trồng vụ mùa như: lúa mùa, ngô, khoai lang,...và chăm sóc cây màu vụ đông; chăn nuôi ổn định do giá bán lợn hơi đã bình ổn hơn với tháng trước, dịch bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò và dịch tả lợn châu Phi về cơ bản đã được kiểm soát; sản xuất lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản phát triển khá.

1. Nông nghiệp

Tính đến 15/11 toàn tỉnh thu hoạch được 117.299 tấn lúa mùa, tăng 1,08% so với cùng kỳ năm trước; ngô 333.392 tấn, giảm 3,93% do diện tích gieo trồng giảm; khoai lang 2.225 tấn, giảm 7,45%; rau các loại 151.202 tấn, tăng 1,2%.

Kết thúc vụ mùa diện tích lúa mùa đạt 38.435 ha giảm 1,74% (679 ha) so với cùng kỳ năm trước do một phần diện tích lúa ruộng bị thiếu nước hoặc chuyển sang trồng một số cây hàng năm khác và cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao hơn. Trong đó: Diện tích gieo trồng lúa ruộng đạt 20.438 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,84% (369 ha), diện tích tăng chủ yếu ở một số huyện: Bắc Yên 171 ha, Mường La 82 ha, Mộc Châu 56 ha, Sông Mã 49 ha ...; diện tích giảm ở thành phố 26 ha, Thuận Châu 8 ha, Yên Châu 5 ha và Sốp Cộp 1 ha do một phần diện tích thiếu nước không gieo cấy được hoặc chuyển sang trồng một số cây hàng năm và cây ăn quả khác. Diện tích gieo trồng lúa nương đạt 17.997 ha, giảm 5,50% (1.048 ha) so với cùng kỳ năm trước, diện tích giảm chủ yếu ở một số huyện: Phù Yên 478 ha, Mộc Châu 182 ha, Quỳnh Nhai 152 ha, Vân Hồ 103 ha.... do hiệu quả kinh tế thấp nên người dân chuyển sang trồng các cây hàng năm khác hiệu quả kinh tế cao hơn như sắn, cỏ voi,...và một số diện tích bỏ hoang do đất bạc màu.

Cây ngô diện tích gieo trồng đạt 78.153 ha, giảm 8,38% (giảm 7.149 ha) so với cùng kỳ năm trước, diện tích giảm chủ yếu ở huyện Mộc Châu 2.035 ha, Phù Yên 1.710 ha, Mường La 1.274 ha, Yên Châu 1.136 ha, Vân Hồ 750 ha, Quỳnh Nhai.... do một số diện tích kém phát triển chuyển sang trồng cây hàng năm khác cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao hơn, một phần diện tích đất bạc màu bỏ

hoang, diện tích không gieo trồng do lao động chính trong hộ gia đình đi làm ăn xa.

Một số cây hằng năm khác: Khoai lang 325 ha, giảm 11,92% so với cùng kỳ năm trước; sắn 41.904 ha, tăng 13,67%; đậu tương 403 ha, giảm 24,11%; lạc 1.439 ha, giảm 0,55%; rau các loại 11.753 ha, tăng 6,29%.

Chăn nuôi trong tháng nhìn chung ổn định, bệnh dịch tả lợn Châu Phi và dịch viêm da nổi cục đang dần được kiểm soát.

Ước tính tháng 11, tổng đàn trâu hiện có 123.038 con, so với cùng kỳ năm trước giảm 5,02% (6.504 con) do việc đưa cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp ngày càng phổ biến nên nhu cầu sức kéo giảm; đàn bò hiện có 357.414 con, tăng 4,27% (14.631 con) so với cùng kỳ năm trước, trong đó số con bò sữa là 28.963 con. Đàn bò phát triển khá do được hỗ trợ vốn, kỹ thuật chăn nuôi, có thị trường tiêu thụ và đem lại thu nhập ổn định cho người chăn nuôi; tổng đàn lợn hiện có 604.815 con, tăng 1,69% so với cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm có 7.139 nghìn con, tăng 1,91% (134 nghìn con), trong đó: đàn gà 5.906 nghìn con, tăng 2,25% (130 nghìn con), đàn gia cầm phát triển nhanh do ít xảy ra bệnh thành dịch, giá bán ổn định.

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 11: Sản lượng thịt trâu ước đạt 481 tấn, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò 504 tấn, tăng 4,6%; sản lượng thịt lợn 4.801 tấn, tăng 6,0%; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 1.194 tấn, tăng 3,5%. Tính chung 11 tháng sản lượng thịt trâu ước đạt 4.616 tấn, tăng 0,33% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò 5.648 tấn, tăng 1,47%; sản lượng thịt lợn 45.854 tấn, tăng 3,95%; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 12.701 tấn, tăng 4,18%; sản lượng sữa đạt 88.454 tấn, tăng 11,42%.

Trong tháng Mười Một trên địa bàn tỉnh dịch tả lợn Châu Phi phát sinh thêm tại địa bàn 13 xã của 07 huyện gồm: Thành phố Sơn La, huyện Mộc Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Yên Châu, Vân Hồ và Phù Yên. Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy trong tháng là 2.056 con với tổng trọng lượng 107.623 kg. Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo trên địa bàn tỉnh bệnh DTLCP đã xảy ra tại 71 xã của 11 huyện, thành phố, tổng số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy là 7.204 con, trọng lượng 371.680 kg. Hiện trên địa bàn tỉnh còn 36 xã dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi chưa qua 21 ngày. Bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò về cơ bản được kiểm soát, trong tháng không phát sinh ổ dịch mới, chỉ tái phát ở 01 ổ dịch cũ. Số trâu, bò mắc bệnh tại các ổ dịch cũ là 52 con, số lượng tiêu hủy 52 con với tổng trọng lượng 3.338 kg. Lũy kế đến thời điểm báo cáo, năm 2021 trên địa bàn tỉnh bệnh VDNC đã xảy ra tại 182 xã, của 12 huyện, thành phố, tổng số gia súc mắc bệnh 3.785 con, số tiêu hủy là 2.687 con, trọng lượng 377.149 kg. Hiện trên địa bàn tỉnh còn 01 xã dịch bệnh VDNC trâu, bò chưa qua 21 ngày (*xã Phiêng Cầm*,

huyện Mai Sơn). Chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên ngành đang tiếp tục triển khai các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, tổ chức hiệu quả việc tiêm vắc xin; giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch mới phát sinh.

2. Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng 11 tập trung chủ yếu vào khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ chăm sóc diện tích rừng đã trồng năm 2020 và rừng trồng những năm trước.

Trồng và chăm sóc rừng: Diện tích rừng trồng lũy kế đến ngày 15/11/2021 là 3.577 ha (*trong đó: rừng phòng hộ, đặc dụng là 90,3 ha, rừng sản xuất là 1.619,4 ha, diện tích rừng trồng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp, trồng cây phân tán quy đổi là 845,25 ha*).

Khai thác lâm sản: Khai thác gỗ rừng trồng, cây phân tán,...trong tháng ước đạt 3.070 m³, sản lượng củi khai thác ước tính 62.103 ste. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021 sản lượng gỗ khai thác đạt 35.161m³, tăng 43,98% (tăng 10.741 m³) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng củi khai thác ước tính 782.660 ste, giảm 0,92% (7.291 ste) so với cùng kỳ năm trước.

Quản lý bảo vệ rừng: Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chế biến lâm sản; kịp thời phát hiện ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm. Tính đến ngày 15/11/2021, đã kiểm tra phát hiện, lập hồ sơ 71 vụ vi phạm, giảm 11 vụ so với cùng kỳ năm trước, trong đó: số vụ phá rừng trái pháp luật 54 vụ với diện tích bị thiệt hại 3,48 ha rừng và đất lâm nghiệp (không có rừng); khai thác lâm sản trái pháp luật: 01 vụ, tịch thu 0,45m³ gỗ; vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 06 vụ, tịch thu 0,570m³ gỗ các loại;... Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước 248,1 triệu đồng. Tính chung 11 tháng trên địa bàn tỉnh xảy ra 316 vụ phá rừng trái pháp luật, giảm 22 vụ (giảm 12,9%) so với cùng kỳ năm trước với tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 39,8 ha.

Phòng chống cháy rừng: Các cấp, các ngành, các đơn vị đã tích cực tuyên truyền, ký cam kết về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Trong tháng trên địa bàn tỉnh không xảy ra vi phạm các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng.

3. Thủy sản

Nuôi trồng và khai thác thủy sản trong tháng ổn định. Diện tích thủy sản hiện có 2.769 ha, tăng 1,35% so với cùng kỳ năm trước; số lồng, bè 8830 cái, giảm 0,16% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản tháng 11 ước 754 tấn, tăng 2,9% (21 tấn) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng khai thác ước đạt 78 tấn, tăng 8,3% (6 tấn); sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 676 tấn, tăng 2,3% (15 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng sản lượng thủy sản ước tính đạt 7.912 tấn, tăng 4,57% (tăng 346 tấn) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy

sản nuôi trồng 6.750 tấn, tăng 4,72%; sản lượng thủy sản khai thác 1.162 tấn, tăng 3,75%. Chia ra: cá 7.473 tấn, tăng 4,49% (tăng 321 tấn), tôm 234 tấn, tăng 8,33% (18 tấn); thủy sản khác 205 tấn, tăng 3,54% (tăng 7 tấn). Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng do thời tiết thuận lợi, người dân đầu tư chăm sóc, cải tạo ao tốt, có sự chuyển dịch từ một số loại cá giá trị và hiệu quả kinh tế thấp như cá trê, cá nheo, cá khác...sang nuôi cá tầm, cá trắm, cá chép đem lại hiệu quả kinh tế.

II. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp tháng 11 giảm mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu do ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm. Công nghiệp chế biến, chế tạo sản xuất vẫn ổn định và là động lực chính cho tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp.

1. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP)

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 11 năm 2021 ước tính tăng 4,83% so với tháng trước, trong đó: ngành công nghiệp khai khoáng tăng 9,6%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,62%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 3,35%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,16%.

So với cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp giảm 15,24%, trong đó: ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 27,47% do lưu lượng nước về các hồ thủy điện rất thấp, đặc biệt lưu lượng nước về hồ thủy điện Sơn La chỉ đạt khoảng 70% lưu lượng nước trung bình các năm; ngành công nghiệp khai khoáng giảm 3,98% do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng đá khai thác giảm; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 23,48% chủ yếu do một số sản phẩm công nghiệp chế biến có giá trị lớn sản xuất tăng so với cùng kỳ như: sữa, cà phê, xi măng, chè, cao su... ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,82%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2021 ước giảm 9,12%. Trong đó: Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 12,23%; ngành công nghiệp khai khoáng giảm 7,5%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,49%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,25%. Nguyên nhân chính làm giảm chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 11 tháng đầu năm do lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp hơn nhiều so với cùng kỳ, ngoài ra sản lượng điện sản xuất của một số nhà máy thủy điện lớn phụ thuộc vào kế hoạch điều tiết điện của trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0) nên sản lượng điện sản xuất giảm sâu tác động đến giảm chỉ số của toàn ngành.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu tháng 11/2021

DVT: %

	Ước tính kỳ báo cáo so với kỳ trước	Ước tính kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	104,83	84,76	90,88
Khai khoáng	109,6	96,02	92,50
Công nghiệp chế biến, chế tạo	107,62	123,48	106,49
Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí	103,35	72,53	87,77
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải	105,16	105,82	102,25

2. Sản xuất sản phẩm

Tháng 11 năm 2021, có 13 sản phẩm công nghiệp sản xuất tăng, bao gồm: đá xây dựng tăng 9,6%, sữa tươi tiệt trùng tăng 0,76%; sữa chua, sữa và kem lên men hoặc axit hóa tăng 2,27%; tinh bột sắn tăng 3,33 lần (do sắn bắt đầu vào sản xuất chính vụ); cà phê rang nguyên hạt tăng 7,41%; nước tinh khiết tăng 7,83%; áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 20%; cao su tăng 1,18%; xi măng Portland đen tăng 0,59%; điện sản xuất tăng 3,38%; điện thương phẩm tăng 0,99%; nước uống được tăng 5,91%; dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế tăng 4,03%. Có 3 sản phẩm sản xuất giảm gồm: chè xanh giảm 63,41% (do chè đang vào cuối lứa thu hoạch); bia hơi giảm 3,69%; sản phẩm in khác giảm 23,36%.

So với cùng kỳ năm trước có 13 sản phẩm sản xuất tăng so với cùng kỳ, bao gồm: sữa tươi tiệt trùng tăng 9,48%; sữa chua, sữa và kem lên men hoặc axit hóa tăng 9,22%; tinh bột sắn tăng 12,87%; cà phê rang nguyên hạt tăng 37,91% (do sản lượng cho thu hoạch tăng so với cùng kỳ); chè xanh tăng 7,21%; nước tinh khiết tăng 2,5%; áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 3,9 lần (do trong tháng công ty nhận được số lượng đơn đặt hàng cao hơn so với cùng kỳ); sản phẩm in tăng 8,26%; cao su tăng 22,2% (do diện tích cho sản phẩm tăng); xi măng Portland đen tăng 0,7%; điện thương phẩm tăng 2,96%; nước uống được tăng 5,09%; dịch vụ thu gom rác thải không độc hại tăng 6,95%. Có 3 sản phẩm sản xuất giảm gồm: Đá xây dựng giảm 3,98%; bia hơi

giảm 10,99% (do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng bia sản xuất giảm); điện sản xuất giảm 27,74% (do lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp, ngoài ra sản lượng điện sản xuất của một số nhà máy thủy điện lớn phụ thuộc vào kế hoạch điều tiết điện của trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0))

Tính chung 11 tháng năm 2021, có 13 sản phẩm chủ yếu sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: sữa tươi thanh trùng tăng 2,95%; sữa chua, sữa và kem lên men hoặc axit hóa tăng 2,99%; bã và phụ phẩm trong quá trình sản xuất đường tăng 43,12%; cà phê rang nguyên hạt tăng 0,74%; chè xanh tăng 10,04%; nước tinh khiết tăng 7,3%; áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 29% và sản phẩm in tăng 32,31% (do các công ty nhận được lượng đơn đặt hàng cao hơn so với cùng kỳ); các hợp chất từ cao su tổng hợp và cao su tự nhiên và các loại nhựa tự nhiên tăng 1,47 lần (do công ty cổ phần cao su Sơn La đầu tư, nâng cấp trang thiết bị mở rộng sản xuất để đáp ứng được yêu cầu chế biến mủ cao su tăng do diện tích cho sản phẩm tăng); xi măng Portland đen tăng 11,93%; điện thương phẩm tăng 5,69%; nước uống được tăng 2,77%; dịch vụ thu gom rác thải không độc hại tăng 1,66%. Có 5 sản phẩm sản xuất giảm: đá xây dựng khác giảm 7,5%; tinh bột sắn giảm 25,59% (một phần do nguồn nguyên liệu giảm và do sắn năm 2021 thu hoạch muộn hơn so với cùng kỳ); đường RS giảm 1,93%; bia hơi giảm 28,16% (do ảnh hưởng của dịch Covid-19 các quán ăn, nhà hàng dừng hoạt động trong nhiều tháng để phòng, chống Covid-19); điện sản xuất giảm 12,34%.

3. Tình hình sản xuất một số sản phẩm của các đơn vị có quy mô lớn 11 tháng năm 2021

Công ty Thủy điện Sơn La: Sản lượng điện sản xuất tháng 11 năm 2021 dự tính đạt 311 triệu kwh, tăng 8,85% (25,3 triệu kwh) so với tháng 10 năm 2021 và giảm 37,05% (183,04 triệu kwh) so với cùng kỳ;

Công ty Thủy điện Huội Quảng: Sản lượng điện sản xuất tháng 11 năm 2021 dự tính đạt 30 triệu kwh, giảm 51,14% (31,4 triệu kwh) so với tháng 10 năm 2021 và giảm 39% (19,18 triệu kwh) so với cùng kỳ.

Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến: Sản lượng điện sản xuất tháng 11 năm 2021 dự tính đạt 50 triệu kwh, tăng 44,5% (15,4 triệu kwh) so với tháng 10 năm 2021 và giảm 28,45% (19,9 triệu kwh) so với cùng kỳ.

Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu: Sản lượng sữa tươi thanh trùng sản xuất tháng 11 năm 2021 dự tính đạt 6.350 nghìn lít, tăng 0,76% (48 nghìn lít) so với tháng 10 năm 2021, tăng 9,48% (550 nghìn lít) so với cùng kỳ.

Công ty cổ phần Xi măng Mai Sơn: Sản lượng xi măng sản xuất tháng 11 năm 2021 dự tính đạt 52.000 tấn, tăng 0,59% (303 tấn) so với tháng 10 năm 2021, tăng 0,7% (359 tấn) so với cùng kỳ.

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tháng 11 dự tính sản xuất 2000 tấn đường RS.

4. Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 11 giảm 8,19% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động khu vực DN nhà nước giảm 4,35%; DN ngoài nhà nước giảm 13,76%; DN có vốn đầu tư nước ngoài không đổi. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các DN ngành khai khoáng giảm 49,36% so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm 11,51%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,1%, ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,02%

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Trong tháng 11/2021, ước tiếp nhận và xử lý 192 lượt hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, tăng 13,60% so với cùng (cùng kỳ tiếp nhận và xử lý 169 lượt hồ sơ). Số hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử là 192 hồ sơ, chiếm 100% tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý. Trong đó:

Thành lập mới doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc là: 44 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc (*08 CTCP, 24 công ty TNHH, 12 đơn vị trực thuộc*) tăng 10% so với cùng kỳ (*cùng kỳ thành lập mới 40 doanh nghiệp/đơn vị trực thuộc*). Lũy kế đến tháng 11/2021 có là 379 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc (*248 doanh nghiệp, 131 đơn vị trực thuộc*) thành lập mới; tổng vốn đăng ký 379,1 tỷ đồng tăng 20,49% so với cùng kỳ (số vốn cùng kỳ 186,9 tỷ đồng), vốn bình quân 11,8 tỷ đồng/01 doanh nghiệp tăng 71,01% so với cùng kỳ.

Trong tháng 11/2021 có 12 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc đăng ký giải thể tăng 2,4 lần so với cùng kỳ; số doanh nghiệp đơn vị trực thuộc đăng ký tạm ngừng kinh doanh: 02 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc, giảm 33,33%; số lượt hồ sơ đăng ký thay đổi: 134 lượt, tăng 5,51%.

Lũy kế tổng số doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh đến hết tháng 11/2021: 3.060 doanh nghiệp, trong đó: số doanh nghiệp đang kê khai nộp thuế là 2.514 doanh nghiệp.

Số HTX thành lập mới tháng 11/2021 là 07 HTX, lũy kế 11 tháng đầu năm 2021 có 92 HTX thành lập mới. Các HTX trên địa bàn chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ. Tổng số Hợp tác xã trên địa bàn toàn tỉnh đến hết tháng 11/2021 là 746 HTX, trong đó: 615 hợp tác xã kê khai nộp thuế, 131 HTX ngừng hoạt động;

IV. VỐN ĐẦU TƯ

1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư trên địa bàn

Trong tháng, dịch Covid -19 cơ bản được kiểm soát, nhằm thực hiện cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra tỉnh xác định một trong các nhiệm vụ,

giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm 2021 là chỉ đạo quyết liệt đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Dự tính vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 11/2021 đạt 330,68 tỷ đồng, tăng 10,53% so với tháng trước, tăng 5,28% so với cùng kỳ năm trước, bằng 8,50% kế hoạch năm. Chia ra: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước thực hiện 300,78 tỷ đồng chiếm 90,96%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước thực hiện 29,90 tỷ đồng chiếm 9,04%. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước ước đạt 2.890,127 tỷ đồng, giảm 3,95% so với cùng kỳ năm trước, bằng 74,29% kế hoạch năm, chia ra: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh thực hiện 2.419,73 tỷ đồng, chiếm 83,72%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện 470,40 tỷ đồng, chiếm 16,28%.

Tình hình vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

	Dự tính tháng 11 năm 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện 11 tháng năm 2021 (tỷ đồng)	11 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	330,68	2.890,13	96,05
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	300,78	2.419,73	99,42
Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	29,90	470,40	81,79
Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	-	-	-

2. Tình hình thực hiện một số dự án lớn trên địa bàn.

Dự án cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia tỉnh Sơn La với tổng mức đầu tư 842,284 tỷ đồng, dự ước tháng 11 thực hiện 15,00 tỷ đồng; Dự án tái cơ cấu nông, lâm sản vùng Chiềng Yên, Quang Minh, Xuân Nha huyện Vân Hồ tổng mức đầu tư 109,899 tỷ đồng, dự ước tháng 11 thực hiện 2,5 tỷ đồng; Dự án bồi thường hỗ trợ tái định cư đường tránh quốc lộ 6 với tổng mức đầu tư 240,380 tỷ đồng, dự ước tháng 11 thực hiện 18 tỷ đồng...

V. THƯỜNG MẠI, DỊCH VỤ, VẬN TẢI

Trong 15 ngày đầu tháng 11 trên địa bàn tỉnh Sơn La đã ghi nhận 17 trường hợp dương tính với Covid-19, để thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của người dân, hạn chế thấp nhất ca mắc Covid-19 đồng thời tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển

kinh tế - xã hội, thực hiện thành công "mục tiêu kép" trong trạng thái "bình thường mới". Tỉnh Sơn La đã cho phép hoạt động trở lại đối với các dịch vụ thiết yếu phục vụ dân sinh, kinh tế, xã hội tại các huyện, thành phố (*trừ huyện Phù Yên*) gồm: Các dịch vụ cắt tóc, gội đầu, spa, nail; các hoạt động thể dục, thể thao; các cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe; các hoạt động văn hóa tâm linh. Việc thay đổi các biện pháp phòng chống dịch đã tác động đến sức mua, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ làm cho tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng đáng kể.

1. Doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 11 năm 2021 theo giá thực tế ước đạt 1.926,22 tỷ đồng. Xét theo cơ cấu ngành hàng: Lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất với 48,16%; gỗ và vật liệu xây dựng chiếm 12,90%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 9,47%; xăng dầu các loại chiếm 8,65%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) chiếm 5,30%, các ngành còn lại chiếm 12,67%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	<i>Tỷ đồng</i>			
	Ước tính tháng 11 năm 2021	Ước tính 11 tháng năm 2021	Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 11 năm 2021	11 tháng năm 2021
Tổng số	2.524,7	26.644,5	2,07	7,57
Bán lẻ hàng hóa	1.926,2	20.908,9	-6,78	-6,26
DV lưu trú, ăn uống	199,1	1.775,6	-37,0	-23,8
Du lịch lữ hành	0,1	6,5	-92,68	-50,1
Dịch vụ khác	396,3	3.953,5	4,42	2,54

So với tháng trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 3,40%, trong đó một số nhóm ngành hàng tăng mạnh như: Xăng, dầu các loại tăng 9,72% (do điều chỉnh giá xăng, dầu theo Quyết của Bộ Công Thương); nhiên liệu khác trừ xăng dầu tăng 5,25%; hàng hóa khác tăng 2,09%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 3,28%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 3,27; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 3,07%, các nhóm ngành hàng còn lại tăng từ 1,90% đến 2,88%.

So với cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 2,07%, trong đó một số nhóm ngành hàng tăng mạnh như: Nhiên liệu khác trừ xăng dầu tăng 33,84%; xăng, dầu các loại tăng 31,67% (do điều chỉnh giá xăng, dầu theo Quyết của Bộ Công Thương); gỗ và vật liệu xây dựng tăng 4,00%; lương thực, thực phẩm tăng 3,51%, các nhóm ngành hàng còn lại tăng từ 0,15% đến 2,94%. Bên cạnh đó có một số nhóm ngành hàng giảm như: Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) giảm 21,49%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác giảm 24,13%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) giảm 17,68%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa 11 tháng năm 2021 ước đạt 20.908,9 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 7,57%, trong đó các nhóm ngành hàng tăng mạnh như: Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 25,15%; xăng, dầu các loại tăng 22,83%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 13,06%; hàng hóa khác tăng 11,74%; vật phẩm, văn hóa giáo dục tăng 11,52%; hàng may mặc tăng 10,72%...

**) Doanh thu hoạt động dịch vụ*

Ước tính tháng 11 doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 545,46 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 5,36% và giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước trong đó: Dịch vụ lưu trú ước tính đạt 7,27 tỷ đồng, giảm 48,01% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ ăn uống 191,80 tỷ đồng, giảm 3,89%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch 0,11 tỷ đồng, giảm 92,68%; dịch vụ khác 396,28 tỷ đồng, tăng 1,42%.

Doanh thu hoạt động dịch vụ 11 tháng đầu năm 2021 ước đạt 5.735,69 tỷ đồng, bằng 99,53% so với cùng kỳ năm trước trong đó: Dịch vụ lưu trú ước tính đạt 96,6 tỷ đồng, giảm 19,85%; dịch vụ ăn uống 1.679,03 tỷ đồng, giảm 5,34%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước tính đạt 6,5 tỷ đồng; giảm 50,10% do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên người dân hạn chế đi du lịch; dịch vụ khác 3.953,5 tỷ đồng, tăng 2,54%.

2. Vận tải

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Sơn La, ngày 02/11/2021 Sở giao thông vận tải tỉnh đã ban hành Thông báo số 3477/SGTVT-QLVT, PT&NL v/v tạm dừng hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô đi đến địa bàn có dịch Covid -19 thuộc tỉnh Hà Giang, Phú Thọ và Thông báo số 3637/SGTVT-QLVT, PT&NL ngày 14/11/2021 v/v tạm dừng hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô đi đến huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình và ngược lại. Do đó số lượt hành khách vận chuyển, luân chuyển trong tháng giảm so với tháng trước.

Tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi tháng 11 năm 2021 ước đạt 191,4 tỷ đồng, giảm 16,24% so với cùng kỳ năm trước. Tổng doanh thu hoạt

động vận tải, kho bãi 11 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1.967,2 tỷ giảm 9,69% so với cùng kỳ năm trước.

a. Vận tải hành khách

Tháng 11 năm 2021 số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 126,41 nghìn lượt hành khách, giảm 1,76% so với tháng trước và giảm 69,21% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước 14.004,08 nghìn Hk.Km giảm 1,76% so với tháng trước và giảm 69,14% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Số lượt hành khách vận chuyển đường bộ đạt 108,99 nghìn lượt hành khách, giảm 1,77% và giảm 71,57%; số lượt hành khách luân chuyển 13.792,47 nghìn Hk.Km, giảm 1,83% và giảm 69,39%. Vận tải hành khách đường bộ chiếm 86,22% về số lượt hành khách vận chuyển và chiếm 98,49% về số lượt hành khách luân chuyển.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 11 năm 2021 ước tính đạt 12,47 tỷ đồng, giảm 0,94% so với tháng trước (*trong đó doanh thu vận tải hành khách đường bộ đạt 11,84 tỷ đồng, giảm 0,97%*) và giảm 67,98% so với cùng kỳ năm trước (*trong đó vận tải đường bộ giảm 68,85%*). Doanh thu vận tải đường bộ chiếm 94,98% tổng doanh thu vận tải hành khách.

Doanh thu vận tải hành khách 11 tháng năm 2021 ước đạt 211,3 tỷ đồng, giảm 39,65% so với cùng kỳ năm trước.

b. Vận tải hàng hóa

Dự ước tháng 11 năm 2021 khối lượng hàng hóa vận chuyển 480,25 nghìn tấn, tăng 1,34% so với tháng trước và giảm 5,36% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước 60.176,23 nghìn Tấn.Km tăng 1,48 % so với tháng trước và giảm 6,86% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khối lượng hàng hóa vận chuyển đường bộ đạt 474,06 nghìn tấn, tăng 1,35% và giảm 5,22%; khối lượng hàng hóa luân chuyển 59.997,98 nghìn Tấn.Km tăng 1,48% và giảm 6,84%. Vận tải hàng hoá đường bộ chiếm 98,71% khối lượng hàng hoá vận chuyển và chiếm 99,70% khối lượng hàng hoá luân chuyển.

Dự ước tháng 11 năm 2021 doanh thu vận tải hàng hoá đạt 175,20 tỷ đồng, tăng 1,73% so với tháng trước và giảm 4,93% so với cùng kỳ năm trước (*trong đó vận tải đường bộ đạt 174,31 tỷ đồng, tăng 1,73% so với tháng trước và giảm 4,90% so với cùng kỳ năm trước*). Doanh thu vận tải đường bộ chiếm 99,50% tổng doanh thu vận tải hàng hoá).

Doanh thu vận tải hàng hoá 11 tháng năm 2021 ước đạt 1.706,46 tỷ đồng, giảm 3,89% so với cùng kỳ năm trước.

c. Doanh thu dịch vụ vận tải

Dự ước tháng 11 năm 2021 doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải, bốc xếp hàng hóa ước đạt 3,7 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 0,35% (*trong đó dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 3,6 tỷ đồng, tăng 0.32%*), doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải chiếm tới

97,25% doanh thu dịch vụ vận tải, kho bãi. So với cùng kỳ năm trước doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải giảm 29,42%.

Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải, bốc xếp hàng hóa 11 tháng năm 2021 ước đạt 49,5 tỷ đồng, giảm 5,88% so với cùng kỳ năm trước.

VI. CHỈ SỐ GIÁ

Giá xăng, dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới; giá lương thực, thực phẩm tăng do thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP về quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" các nhà hàng, quán ăn hoạt động trở lại nên nhu cầu tiêu dùng tăng; giá các mặt hàng phục vụ mùa đông tăng như: quần áo, thiết bị và đồ dùng gia đình do nhu cầu tiêu dùng tăng... là những nguyên nhân chính dẫn đến giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2021 tăng 1,29% so với tháng trước, tăng 1,99% so với tháng 12 năm trước và tăng 2,59% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 2,33% so với cùng kỳ năm trước.

1. Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, CPI tháng 11/2021 tăng 1,29% (khu vực thành thị tăng 1,37% và khu vực nông thôn tăng 1,26%), trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 7 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, 1 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 3 nhóm hàng có chỉ số giá ổn định, cụ thể:

Trong 7 nhóm hàng tăng giá, nhóm giao thông có mức tăng so với tháng trước cao nhất, tăng 3,23% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào các ngày 26/10/2021 và ngày 10/11/2021, trong đó giá xăng E5 tăng 2.277 đồng/lít so với tháng trước, giá xăng A95 tăng 2.184 đồng/lít, giá dầu diezen tăng 1.538 đồng/lít; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,92% chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng một số loại lương thực, thực phẩm tăng mặt khác chi phí vận chuyển tăng do giá xăng, dầu tăng; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,91% chủ yếu do giá thuốc lá tăng bởi tăng giá chung của thị trường; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,67% tập trung ở nhóm giá dịch vụ về hỉ tăng và nhóm giá đồ trang sức do giá vàng tăng; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,66% do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng quần áo phục vụ mùa đông tăng như: áo khoác, áo len, khăn quàng...; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,5% do giá các sản phẩm sử dụng nhiều vào mùa đông tăng như: phích nước nóng; bình nước nóng nhà tắm; ấm, phích nước điện; đệm; chăn, màn, gối... nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,16% do nhu cầu tiêu dùng tăng.

Riêng nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,06% chủ yếu do giá điện sinh hoạt giảm khi nhu cầu tiêu dùng giảm; 3 nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có CPI ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và chỉ số giá đô la mỹ

DVT: %

	Chỉ số giá tháng 11/2021 so với		Bình quân 10 tháng năm 2021 so với cùng kỳ
	Cùng tháng năm trước	Tháng trước	
1. Chỉ số giá tiêu dùng	102,52	101,29	102,33
Tr.đó: Lương thực	100,02	101,32	100,58
Thực phẩm	96,12	102,38	99,12
Ăn uống ngoài gia đình	102,49	100,00	102,91
2. Chỉ số giá vàng	105,51	103,35	113,18
3. Chỉ số giá USD	97,95	99,71	98,81

Nhìn chung chỉ số giá tiêu dùng 11 tháng đầu năm 2021 so với bình quân cùng kỳ tăng 2,33%, trong đó: Nhóm giao thông tăng 10,4%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 3,12%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,03%; giáo dục tăng 3,01%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,21%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,01%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,70%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,81%. Nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giá không đổi. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,30%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống có chỉ số giảm 0,23%.

**) Một số nguyên nhân chủ yếu làm tăng CPI 11 tháng đầu năm 2021*

(i) Giá xăng, dầu trong nước liên tiếp điều chỉnh tăng 14 lần trong 11 tháng đầu năm do ảnh hưởng của giá xăng dầu trên thế giới làm chỉ số giá nhóm nhiên liệu tăng 29,65% tác động mạnh đến tăng chỉ số giá tiêu dùng chung trong 11 tháng đầu năm 2021.

(ii) Giá gas và các loại chất đốt tăng 11,08% do ảnh hưởng của giá gas trên thế giới đã tác động tăng chỉ số giá chung. Trong 11 tháng năm 2021, giá bán lẻ gas trong nước được điều chỉnh tăng 9 đợt và giảm 2 đợt.

(iii) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 11 tháng đầu năm tăng 9,41% so với cùng kỳ do giá nguyên nhiên, vật liệu đầu vào tăng

(iv) Giá dịch vụ giáo dục tăng 2,54% theo Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND về việc quy định mức học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh Sơn La từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Quyết định số 1280/QĐ-ĐHTB của Trường Đại học Tây Bắc về việc quy định mức thu học phí hệ đào tạo chính quy từ năm

học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Ngoài ra giá văn phòng phẩm tăng 4,61% do tăng giá chung của thị trường. Giá 2 nhóm hàng này tăng tác động tăng giá nhóm giáo dục 3,01% 11 tháng đầu năm so vs cùng kỳ

**) Một số nguyên nhân chủ yếu làm giảm CPI 11 tháng đầu năm 2021*

(i) Giá các mặt hàng thực phẩm 11 tháng giảm 0,88% so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung thực phẩm (thịt gia súc, thịt gia cầm, một số rau và quả tươi các loại...) tăng, mặt khác nhu cầu tiêu dùng một số sản phẩm giảm do dịch bệnh.

(ii) Để thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 chính quyền người dân đã hạn chế tổ chức các hoạt động văn hóa, giải trí nên chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch 11 tháng đầu năm 2021 giảm 0,30% so với cùng kỳ.

(iii) Thực hiện các Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 17/12/2020, số 55/NQ-CP ngày 2/6/2021, số 83/NQ-CP ngày 31/7/2021, về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho khách hàng sử dụng điện để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng tháng 11/2021 tăng 3,35% so với tháng trước và tăng 5,51% so với cùng kỳ năm trước. Giá vàng bán ra bình quân trong tháng là 5.956.000 đồng/chỉ. Giá USD bình quân là 2.279.200 đồng/100 USD (-0,29%), do ảnh hưởng của giá vàng trong nước và tình hình kinh tế, chính trị thế giới.

VII. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Thu ngân sách địa phương tháng 11 ước đạt 1.800 tỷ đồng, bằng 13% dự toán, lũy kế thu 11 tháng ước đạt 14.070 tỷ đồng, bằng 103% dự toán; trong đó thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 500 tỷ đồng, bằng 12% dự toán, lũy kế thu ngân sách trên địa bàn 11 tháng ước đạt 3.770 tỷ đồng, bằng 91% dự toán năm.

Chi ngân sách tháng 11 ước đạt 1.500 tỷ đồng, bằng 11% dự toán, lũy kế chi ngân sách 11 tháng ước đạt 12.135 tỷ đồng, bằng 89% dự toán, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế, an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại của địa phương và nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Tỉnh.

2. Ngân hàng

Hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn ổn định, tổng thu tiền mặt qua quỹ ngân hàng tháng 11/2021 ước thực hiện 11.500 tỷ đồng, tổng chi tiền mặt ước thực hiện 11.700 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, tổng thu tiền mặt bằng 96,21%, tổng chi tiền mặt bằng 93,78%. Lũy kế 11 tháng tổng thu tiền mặt ước thực hiện 124.267,09 tỷ đồng, tăng 2,36% so với cùng kỳ năm trước; tổng chi tiền mặt ước thực hiện 123.607,36,45 tỷ đồng, tăng 1,86%.

Dư nợ tín dụng ước đạt 43.000 tỷ đồng, tăng 7,71% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dư nợ ngắn hạn đạt 20.100 tỷ đồng, tăng 3,69%; dư nợ trung, dài

hạn đạt 22.900 tỷ đồng, tăng 11,52%. Trong tổng dư nợ, dư nợ cho vay các đối tượng chính sách đến 30/10/2021 là 4.950,45 tỷ đồng; nợ xấu toàn địa bàn là 493,93 tỷ đồng.

Huy động vốn tại địa phương ước tính tháng 11/2021 đạt 24.800 tỷ đồng, tăng 12,36% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tiền gửi tiết kiệm 19.330 tỷ đồng, tăng 10,28%; tiền gửi các tổ chức kinh tế 5.300 tỷ đồng, tăng 20,18%; tiền gửi giấy tờ có giá 170 tỷ đồng, tăng 27,84% so với cùng kỳ năm 2020.

VIII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Đời sống dân cư trên địa bàn toàn tỉnh ổn định; các cấp, các ngành, các địa phương đã chủ động nguồn kinh phí, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh, xã hội. Các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được triển khai và phát huy hiệu quả tích cực.

** Chương trình giảm nghèo*

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án “Huy động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025”, từ đầu năm, toàn tỉnh đã huy động được 24,837 tỷ đồng; đã triển khai hỗ trợ 828 nhà; dự kiến đến hết năm 2021, toàn tỉnh hỗ trợ cho 1.059 hộ với kinh phí trên 35,7 tỷ đồng. Hỗ trợ cho 14 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo từ ngoại tỉnh trở về địa phương theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND với kinh phí là 5,6 triệu đồng. Công tác rà soát, điều tra hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, đảm bảo công khai, minh bạch, thực chất.

Trong tháng Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện các chương trình cho vay đối với 2.407 lượt khách hàng với tổng số tiền 100.784,25 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay 29.922 lượt khách hàng với tổng số tiền 1.247.732,65 triệu đồng.

** Chương trình Giải quyết việc làm*

Trong tháng 11 đã tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1.675 lượt người. Đăng thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp lên Website cho 21 doanh nghiệp và 20 hồ sơ tìm việc thu hút 6.631 lượt người truy cập; trang Facebook Dịch vụ việc làm đã có 25.882 lượt người tiếp cận. Kết quả Trung tâm Dịch vụ việc làm đã kết nối việc làm thành công 34 lao động đi làm việc ở các khu công nghiệp trong nước. Chương trình việc làm trong tháng 11/2021 đã chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho khoảng 1.745 lao động; nâng tổng số lao động được giải quyết việc làm từ đầu năm lên 18.265 người, đạt 91% chỉ tiêu giao năm 2021. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,77%; Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội là 67,6%.

** Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết 116/NQ-CP và Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND*

Tổng số đối tượng được hỗ trợ (*tính đến 15/11/2021*) là 48.363 đơn vị, doanh nghiệp, người lao động; kinh phí hỗ trợ là 69,147 tỷ đồng. Đã hỗ trợ cho 45.904 đối tượng; số tiền 64,256 tỷ đồng, cụ thể:

Theo Nghị quyết 68/NQ-CP: Tổng số đối tượng được hỗ trợ là 24.104 đơn vị, doanh nghiệp, người lao động; kinh phí hỗ trợ: 12,5 tỷ đồng. Đã hỗ trợ cho 23.104 đối tượng; số tiền 9,4 tỷ đồng;

Theo Nghị quyết số 116/NQ-CP: Tổng số đối tượng được hỗ trợ là 21.327 người lao động, kinh phí hỗ trợ: 53,468 tỷ đồng; đã chi trả cho 21.173 người, kinh phí 53,341 tỷ đồng. Đối với chính sách giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động sẽ thực hiện giảm hàng tháng (tối đa 12 tháng) dự kiến có 1.278 đơn vị số lao động với 19.286 người thuộc diện được giảm đóng, số tiền giảm: 11,6 tỷ đồng (số liệu này không cộng vào tổng chung thực hiện trong năm 2021).

Theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND: UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách hỗ trợ cho 1.700 đối tượng, số tiền 1,9 tỷ đồng (Hỗ trợ 1.686 lao động không có giao kết hợp đồng lao động, kinh phí 1,9 tỷ đồng; đã chi trả cho 395 người, số tiền 455,7 triệu đồng. Hỗ trợ 14 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo từ vùng dịch trở về địa phương, kinh phí 5,6 triệu đồng).

** Thực hiện Chính sách Bảo hiểm xã hội*

Trong tháng mở rộng và khai thác mới 15 đơn vị doanh nghiệp với 20 lao động tham gia (*lũy kế đến 31/10/2021 đã mở rộng 124 đơn vị, với 313 lao động tham gia BHXH bắt buộc*). Tính đến 31/10/2021, tổng số đơn vị tham gia BHXH bắt buộc toàn tỉnh là 3.576 đơn vị; số người tham gia BHXH là 90.023 người (*BHXH bắt buộc là 59.689 người; BHXH tự nguyện là 30.334 người*), số người tham gia BHYT là 1.119.246 người. Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trong tổng số lao động xã hội đến cuối năm 2021 ước đạt 12,26%, cao hơn chỉ tiêu giao khoảng 0,49 điểm % (*chỉ tiêu giao là 11,77%*).

** Giải quyết chính sách Bảo hiểm thất nghiệp*

Trong tháng đã thẩm định và ban hành 192 quyết định về chính sách bảo hiểm thất nghiệp, trong đó: 163 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 05 quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp; 01 quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp; 17 quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp; 01 quyết định thu hồi trợ cấp thất nghiệp; 02 quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 03 điều chỉnh quyết định trợ cấp thất nghiệp (*Lũy kế từ đầu năm đã ban hành hành 3.377 quyết định về chính sách bảo hiểm thất nghiệp*).

** Công tác Bảo trợ xã hội*

Tổng số đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trong toàn tỉnh là 29.662 người, trong đó: Tại cộng đồng 29.482 người, tập trung tại cơ sở bảo trợ xã hội 180 người.

** Thực hiện chính sách với người có công*

Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ trợ cấp hàng tháng, chế độ điều dưỡng, trợ cấp một lần, mai táng phí, ưu đãi trong giáo dục và đào tạo, chế độ bảo hiểm y tế... đối với người có công và thân nhân của người có công; thực hiện tốt phong trào “đền ơn, đáp nghĩa” thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Kết quả giải quyết hồ sơ tháng 11/2021 đã giải quyết 83 hồ sơ, trong đó: MTP, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần: 28 hồ sơ với tổng số tiền 410,4 triệu đồng; MTP theo quyết định 49: 21 hồ sơ với tổng số tiền 306,7 triệu đồng; MTP theo Quyết định 62: 08 hồ sơ với tổng số tiền 119,2 triệu đồng; MTP theo quyết định 150: 09 hồ sơ với tổng số tiền 44,7 triệu đồng; Mai táng phí theo quyết định 290: 01 hồ sơ với tổng số tiền 12,1 triệu đồng; Trợ cấp thờ cúng: 07 hồ sơ; Thay đổi người thờ cúng liệt sĩ: 04 hồ sơ; Đính chính thông tin trên bia mộ: 01 hồ sơ; tiếp nhận 01 hồ sơ di chuyển đến; Cấp Bằng Tổ quốc ghi công: 01 hồ sơ; Cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công: 01 hồ sơ; Cấp lại thẻ Thương binh, CDHH, gia đình liệt sĩ: 01 thẻ.

** Công tác cai nghiện và quản lý sau cai*

Công tác cai nghiện tại các cơ sở điều trị nghiện: Số đầu kỳ: 1.432 học viên. Số học viên vào 334 người; số học viên ra 219 học viên; học viên quay lại 03 người. Hiện tại các Cơ sở điều trị nghiện ma túy đang quản lý, giáo dục, chữa trị, cai nghiện cho: 1.550 học viên nghiện ma túy (trong đó: hỗ trợ cắt cơn: 45 người; cai nghiện tự nguyện 10 người; cai nghiện cưỡng chế: 1.495 người).

Công tác Điều trị Methadone tại các cơ sở Điều trị nghiện ma túy: Kỳ trước chuyển sang: 87 bệnh nhân; ra trong kỳ 9 bệnh nhân; hiện đang điều trị cho 78 bệnh nhân.

2. Giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục tổ chức dạy bù đắp kiến thức cho học sinh. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học các đơn vị. Chỉ đạo các đơn vị tổ chức thao giảng, kiểm tra chuyên môn. Thẩm định hồ sơ PCGD, XMC các huyện/thành phố. Kiểm tra kết quả PCGD, XMC tại 09 huyện/thành phố. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp tỉnh đối với cấp THCS. Rà soát số liệu, các điều kiện chuẩn bị tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo lưu học sinh Lào năm học 2022 - 2023. Tiếp tục triển khai hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh theo Đề án ngoại ngữ quốc gia. Tiếp tục xây dựng ngân hàng đề; xây dựng thư viện câu hỏi dùng chung đối với khối lớp 6.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị của các đơn vị trực thuộc theo Quyết định số 617/QĐ-SGDĐT ngày 04/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch số 126/KH-SGDĐT ngày 04/8/2021. Chỉ đạo đơn đốc, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tiêu chí giáo dục xây dựng nông thôn mới năm 2021. Tổ chức kiểm tra công tác giao nhận, quản lý và cấp phát gạo cho học sinh các trường học được hưởng chế độ Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

3. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

** Tình hình dịch COVID-19 (số liệu tính từ 05/10/2021 đến 7 giờ 00 phút ngày 24/11/2021)*

Tính đến thời điểm hiện tại, tỉnh Sơn La đã ghi nhận 100 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (*Vân Hồ 04, Mộc Châu 03, Yên Châu 01, Thành Phố 05, Mường La 29, Phù Yên 42, Bắc Yên 03, Sông Mã 02, Sốp Cộp 02, Thuận Châu 01, Mai Sơn 06*); tổng số ca đang điều trị là 43 ca, tổng số ca khỏi bệnh là 39 ca.

Tổng số hiện còn đang theo dõi, cách ly 6.994 người, cụ thể: F0 còn đang điều trị tại các bệnh viện, khu điều trị F0 43; Cách ly tại cơ sở y tế 16 người; Cách ly tập trung 427 người; Cách ly tại nhà, nơi lưu trú 1.392 người; Hướng dẫn, giám sát, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng 5.116 người.

Kết quả Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 đợt 3 (*Số liệu tính đến 7 giờ 00 phút ngày 24/11/2021*) cho các nhóm đối tượng thuộc Nghị quyết số 21/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 3355/QĐ-BYT trên địa bàn tỉnh như sau: Tổng tiêm được 632.470 mũi tiêm, trong đó: Mũi 1: 437.803 (tỉ lệ bao phủ 52,5 %); mũi 2: 145.663 (tỉ lệ bao phủ 14,9 %).

** Về tình hình dịch bệnh truyền nhiễm*

Trong tháng toàn tỉnh ghi nhận 06 ca viêm Não vi rút khác; Ly Amip 06 ca mắc; Thủy đậu 22 ca mắc; Viêm gan vi rút khác 22 ca mắc, lao phổi 07 ca mắc trong tổng số ca mắc các bệnh truyền nhiễm không có ca tử vong. Uốn ván sơ sinh 01 ca mắc mới, tử vong 01 ca (*đã mắc trong kì báo cáo tháng 10*).

** Hoạt động y tế dự phòng - Tiêm chủng mở rộng*

Kết quả tiêm chủng (lũy tích): Tổng số trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 16.809 trẻ, trong kì báo cáo số trẻ được tiêm 1.924 trẻ. Số trẻ được tiêm vacxin Viêm gan B 24h đầu sau sinh 12.949 trẻ; trong đó số trẻ được tiêm trong kì báo cáo 1.502 trẻ, chiếm 83,63% số trẻ đẻ ra trong kì báo cáo (*1.796 trẻ đẻ ra sống*). Trẻ được tiêm vacxin phòng Sởi 17.388 trẻ; trong đó trẻ được tiêm trong kì báo cáo 1.986 trẻ.

** Công tác phòng, chống HIV/AIDS*

Số người nhiễm HIV phát hiện mới là 02 người, số người nhiễm HIV lũy tích trong toàn tỉnh là 9.326 người (*trong đó còn sống 4.909 người*); Số tử vong do AIDS trong tháng là 02 người, lũy tích số người tử vong do AIDS là 4.151 người; so với tháng 10/2021, số trường hợp nhiễm HIV được báo cáo giảm 11 người, số bệnh nhân tử vong tăng 01 người; so với cùng kì tháng 11/2020, số bệnh nhân nhiễm HIV giảm 17 người, số bệnh nhân tử vong giảm 01 người. Duy trì 13 cơ sở điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại các huyện, thành phố và 53 cơ sở cấp phát thuốc Methadone và Buprenorphine. Triển khai chương trình điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV

(PrEP) tại tất cả các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh. Tổng số bệnh nhân hiện đang điều trị: 63 bệnh nhân, Lũy tích điều trị PreP: 92 người.

** Ngộ độc thực phẩm*

Trong tháng xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm (22 người mắc, 36 ca mắc rải rác). Lũy tích từ đầu năm đến nay trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 12 vụ ngộ độc thực phẩm, 93 ca mắc; mắc rải rác 598 ca không có trường hợp tử vong.

** Hoạt động khám chữa bệnh*

Chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch đẩy mạnh triển khai áp dụng, “Hướng dẫn tạm thời sử dụng y dược cổ truyền để phòng, chống dịch Covid-19” theo Quyết định số 4539/QĐ-BYT ngày 25/9/2021, Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn tạm thời sử dụng y dược cổ truyền để phòng, chống dịch Covid-19”; Hướng dẫn triển khai áp dụng các Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị theo Quyết định của Bộ Y tế.

Kết quả thực hiện khám chữa bệnh trong tháng: Tổng số lượt khám bệnh 114.161 lượt, bằng 84,2%; số bệnh nhân điều trị nội trú 16.395 lượt, tăng 10,13%; Số bệnh nhân ngoại trú 57.740 lượt, tăng 2% so với tháng trước; tổng số chuyển tuyến 6.190 lượt, tăng 423 lượt so với tháng trước, trong đó: Chuyển về Trung ương: 245 lượt, chuyển lên tỉnh 986 lượt, chuyển lên huyện: 4.395 lượt.

4. Văn hóa, thông tin, thể thao

Tập trung tổ chức tốt công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh trong tháng 11 năm 2021 như: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Ngày Quốc tế xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ 25/11; tuyên truyền phòng chống dịch bệnh Covid-19; đảm bảo ANTT, ATGT, PCCC-CHCN;... và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tháng 11/2021.

Biên tập 02 mẫu tranh; 04 bài tuyên truyền gửi cơ sở: Tuyên truyền Phòng chống HIV/AIDS; Hưởng ứng tháng An toàn Phòng cháy, chữa cháy; Tuyên truyền hưởng ứng ngày Di sản Văn hóa Việt Nam; Hội nghị Văn hóa toàn quốc. Phục vụ bạn đọc đến Thư viện 5.095 lượt; bạn đọc truy cập “Trang thông tin điện tử của Thư viện tỉnh Sơn La”: 156.148 lượt; biên soạn, in và phát hành 02 số “Điểm báo”; Biên soạn, in và phát hành: 01 số Thông tin khoa học chuyên đề số: 11/2021: “Vì một cộng đồng không HIV/AIDS ”; tuyên truyền, giới thiệu sách: 23 cuộc trên các tạp chí, nội san, Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sơn La. Phục vụ 623 lượt khách tham quan tại các điểm do Bảo tàng quản lý; tổ chức giáo dục truyền thống tại huyện Mộc Châu cho 20 trường học, thu hút 12.459 học sinh, 741 giáo viên tham gia.

Thể thao quần chúng: Xây dựng kế hoạch phát triển, duy trì các Câu lạc bộ và phong trào TDTT quần chúng trên địa bàn toàn tỉnh; chuẩn bị các điều kiện tham dự các giải thi đấu thể thao quần chúng theo thông báo, điều lệ của các Liên

đoàn thể thao, Tổng cục Thể dục thể thao; thực hiện Đề án phát triển TDTT quần chúng tỉnh Sơn La giai đoạn 2021- 2030.

Thể thao thành tích cao: Duy trì công tác huấn luyện, quản lý các đội tuyển tỉnh, các đội năng khiếu; tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo vận động viên năng khiếu, vận động viên thành tích cao; nâng cao chất lượng tuyển chọn, huấn luyện các VĐV, chuẩn bị các điều kiện tham dự các giải thi đấu theo thông báo, điều lệ của các Liên đoàn thể thao, Tổng cục Thể dục thể thao.

Phát thanh tiếng phổ thông thực hiện 92 chương trình, sử dụng 604 tin, bài, phóng sự và 112 chuyên đề, chuyên mục; tiếng dân tộc 120 chương trình, sử dụng 648 tin, bài, phóng sự, gương người tốt, việc tốt, 144 chuyên đề, chuyên mục.

Truyền hình tiếng phổ thông thực hiện 447 chương trình; sử dụng 265 lượt chuyên đề, chuyên mục; 1.124 tin, bài, phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, gương người tốt, việc tốt; truyền hình tiếng dân tộc thực hiện 70 chương trình; sử dụng 30 lượt chuyên đề, chuyên mục; 546 tin, bài, phóng sự, 10 chương trình cộng tác với VTV.

5. Công tác phòng chống ma túy

Tính đến ngày 14/11/2021, toàn tỉnh có tổng số 7.781 người nghiện ma túy đang trong diện quản lý trên địa bàn. Trong tháng lực lượng chức năng toàn tỉnh phát hiện 57 vụ, 63 đối tượng (so với tháng trước giảm 27 vụ, 53 đối tượng). Vật chứng thu giữ: 2,92 kg êrôin; 39.502 viên ma túy tổng hợp; 3,94 kg loại khác; 01 ô tô, 11 xe máy, 08 điện thoại di động và một số vật chứng liên quan. Khởi tố 74 vụ, 95 bị can; xử lý hành chính 02 vụ, 06 đối tượng (cả kỳ trước chuyển sang).

6. An toàn giao thông

Trong tháng xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng, hậu quả 02 người chết (*so với tháng trước tăng 02 vụ, 02 người chết, 02 người bị thương*). Tính chung 11 tháng đầu năm, trên địa bàn toàn tỉnh đã xảy ra 23 vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ, làm 20 người chết, 18 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước số vụ giảm 57,41% (31 vụ), số người chết giảm 50,0% (20 người), số người bị thương giảm 68,97% (40 người).

7. Thiệt hại do thiên tai

Từ 15/10 đến 14/11/2021 trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 01 vụ thiệt hại do mưa to, giông lốc (ở huyện Quỳnh Nhai), làm thiệt hại 01 nhà ở, chìm 01 thuyền sắt; Ước giá trị thiệt hại khoảng 50 triệu đồng, so với tháng trước số huyện bị ảnh hưởng do thiên tai giảm 5 huyện, giảm thiệt hại về sản xuất nông nghiệp, ước thiệt hại giảm khoảng 3.633,6 triệu đồng.

Lũy kế từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh xảy ra rét đậm, rét hại, băng giá; mưa, gió lốc và mưa đá gây thiệt hại về người, tài sản, vật nuôi và hoa màu làm ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân, cụ thể: làm 02 người chết, 01 người bị thương; bị hư hỏng, thiệt hại 1.003 nhà; thiệt hại về sản xuất nông

nghiệp khoảng 498,93 ha (gồm cây ăn quả, lúa, ngô, rau màu, dâu tây, ...) và 812 con gia súc, gia cầm; sạt lở mặt đường, xói lở, bong bật mặt đường 17.605m², khối lượng đất đá sạt sập khoảng 187.555 m³; 79 cầu, cống giao thông bị hư hỏng; 1.836m kênh bị đứt gãy; sạt lở, nghiêng đổ 41 cột điện... Tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng: 47.624,6 triệu đồng.

8. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng trên địa bàn toàn tỉnh không xảy ra cháy, nổ. Lũy kế từ đầu năm toàn tỉnh xảy ra 08 vụ cháy, nổ; số người bị thương do cháy nổ 01 người; ước tính thiệt hại do cháy nổ 2.240 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ cháy, nổ giảm 46,67% (giảm 07 vụ), không có người chết, số người bị thương tăng 01 người (kỳ trước không phát sinh); thiệt hại do cháy nổ ước tính tăng 165,72% (1.397 triệu đồng). Phạm tội và vi phạm về môi trường: Trong tháng báo cáo đã phát hiện, xử lý hành chính 22 vụ, 22 đối tượng, phạt tiền 36,3 triệu đồng. So với tháng trước số vụ vi phạm môi trường giảm 04 vụ, 06 đối tượng, số tiền xử phạt hành chính giảm 203,79 triệu đồng, so với cùng kỳ năm trước số vụ vi phạm môi trường tăng 08 vụ, số tiền xử phạt hành chính giảm 197,3 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã phát hiện, xử lý hành chính 440 vụ, phạt tiền 2.195,24 triệu đồng, so với cùng kỳ năm trước số vụ vi phạm môi trường tăng 43 vụ, số tiền xử phạt hành chính giảm 748,262 triệu đồng.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La tháng 11 và 11 tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- TCTK (Vụ TKTH);
- VP Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- VP UBND tỉnh;
- Phòng PA04, Phòng An ninh Chính trị Nội bộ, Công an tỉnh Sơn La;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Ngô Thị Thu